

Số: /2026/QĐ-UBND
(DỰ THẢO)

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí đánh giá tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chí đánh giá tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về tiêu chí đánh giá tần suất công tác khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí xác định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

1. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương được xác định theo các tiêu chí chủ yếu sau:

a) Loại đường thủy nội địa phục vụ quản lý

Phân loại đường thủy nội địa theo Điều 7 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, cụ thể:

- Loại 1: luồng đường thủy nội địa quốc gia.

- Loại 2: luồng đường thủy nội địa địa phương và luồng đường thủy nội địa chuyên dùng.

- Loại 3: các tuyến đường thủy nội địa còn lại chưa được công bố.

b) Vai trò của luồng đường thủy nội địa đối với vận tải thủy địa;

c) Trọng tải phương tiện thủy hoạt động thực tế trên luồng đường thủy nội địa;

d) Cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa.

2. Việc xác định tần suất khảo sát định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100 điểm, được xác định cụ thể theo tiêu chí chính như sau:

STT	Tiêu chí	Điểm chấm tối đa
I	Loại đường thủy nội địa phục vụ quản lý	
1	Đường thủy nội địa loại 1	30
2	Đường thủy nội địa loại 2	25
3	Đường thủy nội địa loại 3	20
II	Vai trò của luồng đường thủy nội địa địa phương đối với vận tải thủy nội địa	
1	Luồng đường thủy thuộc tuyến vận tải chính	30
2	Luồng đường thủy không thuộc tuyến vận tải chính nhưng có kết nối trực tiếp với tuyến vận tải chính	25
3	Luồng đường thủy không thuộc và không kết nối trực	15

	tiếp tuyến vận tải chính	
III	Trọng tải phương tiện thủy hoạt động thực tế trên luồng đường thủy nội địa	
1	Có phương tiện thủy có trọng tải từ 1000 tấn trở lên	20
2	Có phương tiện thủy có trọng tải từ 500 tấn đến dưới 1000 tấn	15
3	Có phương tiện thủy có trọng tải dưới 500 tấn	10
IV	Cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa	
1	Luồng đường thủy nội địa cấp đặc biệt, cấp I	20
2	Luồng đường thủy nội địa cấp II, III	15
3	Luồng đường thủy nội địa cấp IV trở xuống	5

Điều 4. Tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

1. Tần suất khảo sát 01 năm/ lần đối với luồng có tổng số điểm chướng ngại từ 80 điểm trở lên.

2. Tần suất khảo sát 03 năm/ lần đối với luồng có tổng số điểm chướng ngại từ 70 đến dưới 80 điểm.

3. Tần suất khảo sát 05 năm/ lần đối với luồng có tổng số điểm chướng ngại dưới 70 điểm.

4. Tần suất khảo sát lớn hơn 05 năm/lần đối với trường hợp luồng đường thủy nội địa địa phương có tổng số điểm chướng ngại theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 điều này nhưng là luồng đường thủy nội địa trên vùng hồ, đầm, vụng, vịnh, khu vực luồng ổn định có độ sâu lớn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Sở Xây dựng.

5. Tần suất khảo sát nhỏ hơn 01 năm/lần đối với trường hợp luồng, đoạn luồng đường thủy nội địa địa phương khác tại khu vực cửa sông hoặc các khu vực bị bồi, xói lớn. Sở Xây dựng căn cứ vào tính chất, quy mô, phạm vi, vai trò của luồng đường thủy nội địa đối với vận tải thủy nội địa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tần suất khảo sát.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Phân công nhiệm vụ

Giao Sở Xây dựng định kỳ 05 năm một lần vào Quý III của năm cuối trong kỳ hoặc căn cứ vào nhu cầu thực tế, cập nhật, bổ sung, tổng hợp trình Ủy

ban nhân dân tỉnh công bố danh mục tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương cho kỳ tiếp theo. Hồ sơ trình danh mục khảo sát luồng đường thủy nội địa bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị công bố danh mục khảo sát luồng đường thủy nội địa;
- b) Danh mục khảo sát luồng đường thủy nội địa, gồm: tên luồng (đoạn luồng), tỷ lệ bình đồ, tần suất khảo sát;
- c) Bảng đánh giá, chấm điểm xác định tần suất khảo sát theo quy định tại khoản khoản 2, Điều 3 quy định này;
- d) Các nội dung khác liên quan (nếu có).

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 6;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP ĐDBQH tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh;
- Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Báo Ninh Bình, Đài PT-TH, Trung tâm Tin học
- Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.